

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2020/DS-PT
Ngày 29 - 9 - 2020
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Hùng

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Lệ Kiều

Ông Trương Thanh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Chúc Ly – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Ông Trịnh Út Mười - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 73/2020/TLPT-DS ngày 07 tháng 9 năm 2020 về việc tranh chấp đòi lại tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2020/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 83/2020/QĐ-PT ngày 08 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1933; địa chỉ: Ấp Q, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M: Bà Lưu Thị L, sinh năm 1966; địa chỉ: Ấp Q, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- Bị đơn: Ông Đặng Văn B, sinh năm 1957; địa chỉ: Ấp Q, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện V, tỉnh Bạc Liêu; địa chỉ: Ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

- Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Lưu Thị L trình bày: Vào năm 1997, ông Đặng Văn B còn đang giữ chức vụ là Trưởng ấp Q, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu kiêm tổ trưởng tổ vay vốn của ấp thì ông Lưu Văn L là cha ruột của bà có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tổng diện tích trên 23 công để vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (giao dịch tại Chi nhánh huyện H ngày trước) với số tiền 500.000 đồng. Thời hạn vay là 3 năm. Đến năm 1999, đến hạn thanh toán nhưng do hoàn cảnh còn khó khăn, cha của bà chưa có khả năng trả nợ nên ông B đề nghị gia đình bà tạo điều kiện để đáo hạn hợp đồng, mục đích vay lại số tiền lớn hơn để trả tiền vay và lãi suất phát sinh của hợp đồng trước đó. Phần tiền còn lại được chi phí vào việc cất nhà cho cha của bà.

Do hiểu biết hạn hẹp và tin tưởng vào chính quyền địa phương nên bấy giờ gia đình bà không lưu giữ bất kỳ giấy tờ gì liên quan đến hợp đồng tín dụng nêu trên. Đồng thời cũng giao hẳn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cha bà cho ông B cất giữ để thuận tiện trong việc giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến việc vay vốn. Việc giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B là do cha bà thực hiện, các thành viên còn lại trong gia đình không hay biết mà chỉ được nghe cha của bà nói lại. Bà cũng không biết bất kỳ thông tin gì liên quan đến giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà cha của bà đã giao cho ông B ngoài việc xác định được diện tích đất được cấp theo giấy chứng nhận là hơn 23 công tầm cây theo lời kể từ cha của bà.

Do vậy, nay bà M khởi kiện yêu cầu ông B giao trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Trong trường hợp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn được thế chấp tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam thì bà M thống nhất thực hiện theo hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản mà cha bà đã ký.

Bị đơn ông Đặng Văn B trình bày: Vào năm 1996, chồng bà M là ông Lưu Văn L cùng con gái ruột là bà Lưu Thị L có vay tiền tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (vay tại Phòng Giao dịch huyện V). Khi vay tiền, ông L chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên được Ủy ban nhân dân xã H xác nhận nội dung hiện ông L có thực tế sử dụng diện tích 1,85 ha do ông L tự kê khai để làm cơ sở vay 1.800.000 đồng. Tiền vay được ông L và bà L trực tiếp nhận. Đến năm 1998, thực hiện việc chia tách địa giới hành chính, bấy giờ gia đình ông L thuộc địa bàn ấp P, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu nên ông không còn theo dõi quá trình vay vốn của hộ ông L nữa. Theo ông được biết thời điểm vay vốn lần đầu của gia đình ông L thì hộ ông L chưa có ai được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông xác định không có việc ông L gửi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông như nội dung bà L trình bày. Do vậy, ông không thống nhất yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam trình bày: Qua rà soát, kiểm tra các thông tin tài liệu lưu trữ tại Ngân hàng không tìm thấy hồ sơ tổ vay

vốn do ông B làm tổ trưởng. Đồng thời tính đến ngày 16 tháng 7 năm 2020, qua kiểm tra hệ thống thanh toán của Ngân hàng và hồ sơ vay vốn, xác định ông Lưu Văn L và bà Lưu Thị H là con ông L hiện không có vay vốn tại Ngân hàng – Phòng Giao dịch huyện V. Từ nội dung trên, Ngân hàng không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà M.

Từ những nội dung trên, tại Bản án sơ thẩm số 16/2020/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M đối với ông Đặng Văn B về việc đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 13 tháng 8 năm 2020, bà Nguyễn Thị M kháng cáo: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và buộc ông Đặng Văn B trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 4 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2020/DS-ST ngày 31/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu và đình chỉ giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Xét đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị M nộp trong hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định. Căn cứ vào Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự, được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M kháng cáo yêu cầu ông Tư Q, ông T, ông Tr, ông Sáu B trả đất và buộc ông Đặng Văn B trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà. Hội đồng xét xử thấy rằng: Đối với yêu cầu ông Tư Q, ông T, ông Tr, ông Sáu B trả đất thì ở cấp sơ thẩm bà M chưa yêu cầu nên cấp sơ thẩm chưa đề cập và xem xét xử lý, nên cấp phúc thẩm không xem xét nội dung kháng cáo này. Đối với nội dung kháng cáo yêu cầu ông Đặng Văn B trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1] Nguyên đơn bà M xác định vào năm 1997, chồng bà là ông Lưu Văn L khi còn sống có vay vốn với Ngân hàng, do không hiểu biết nên ông L đã giao 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đặng Văn B cất giữ, nhằm thuận tiện trong việc xử lý các vấn đề phát sinh đến hợp đồng vay vốn có thể chấp tài sản. Bà M chỉ xác định được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chồng bà đã giao cho ông B có tổng diện tích hơn 23 công tằm cấy trong khi Ngân hàng nông nghiệp và

Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện V xác định chồng bà M là ông L và ông B không có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông L để vay tiền ngân hàng; ông B không thừa nhận việc giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông L. Như vậy, yêu cầu đòi ông B trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Bà M không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3.2] Theo Điều 105 Bộ luật Dân sự 2015 quy định về tài sản như sau: “1. Tài sản là vật, tiền, giấy tờ có giá và quyền tài sản; 2. Tài sản bao gồm bất động sản và động sản. Bất động sản và động sản có thể là tài sản hiện có và tài sản hình thành trong tương lai”. Tại Điều 115 Bộ luật Dân 2015 quy định về quyền tài sản như sau: “Quyền tài sản là quyền trị giá được bằng tiền, bao gồm quyền tài sản đối với đối tượng quyền sở hữu trí tuệ, quyền sử dụng đất và các quyền tài sản khác”; tại khoản 16 Điều 3 Luật Đất đai 2013 quy định: “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là chứng thư pháp lý để Nhà nước xác nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất hợp pháp của người có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất”. Còn theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Luật tổ tụng hành chính năm 2015 thì quyết định hành chính là “Quyết định hành chính là văn bản do cơ quan hành chính nhà nước, cơ quan, tổ chức được giao thực hiện quản lý hành chính nhà nước ban hành hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan, tổ chức đó ban hành quyết định về vấn đề cụ thể trong hoạt động quản lý hành chính được áp dụng một lần đối với một hoặc một số đối tượng cụ thể”. Như vậy, đối chiếu các quy định nêu trên, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không phải là tài sản mà là quyết định hành chính.

Theo quy định tại các Điều 166; Điều 167; Điều 168 Bộ luật dân sự thì chỉ quy định về quyền đòi lại tài sản, chứ không quy định quyền đòi lại “quyền tài sản”. Căn cứ công văn số 141/TANDTC-KHXX ngày 21/9/2011 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn thẩm quyền giải quyết các yêu cầu trả lại giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản thì việc yêu cầu đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không thuộc thẩm quyền của Tòa án mà thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan quản lý Nhà nước trong lĩnh vực đất đai.

[4] Như đã phân tích trên, do Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không phải là tài sản, mà chỉ là chứng thư pháp lý thể hiện quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất (quyết định hành chính). Do đó, không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án khi có tranh chấp đòi trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết là không đúng thẩm quyền theo quy định của điểm k, khoản 1 Điều 99 Luật đất đai năm 2013 và Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 10 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ tài nguyên và Môi trường.

[5] Từ những căn cứ trên, Do yêu cầu khởi kiện của bà M không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không xem xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị M; mà bà Nguyễn Thị M thực hiện quyền yêu cầu cấp lại quyền sử dụng đất theo quy định tại điểm k, khoản 1 Điều 99 Luật đất đai năm 2013 và Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều

10 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ tài nguyên và Môi trường. Có căn cứ chấp nhận toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, hủy Bản án sơ thẩm số 16/2020/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu và đình chỉ giải quyết vụ án.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Lưu Thị L cho rằng ông Đặng Văn B đã câu kết với nhiều người khác chiếm và chuyển nhượng đất của bà, nên bà yêu cầu một số người trả đất. Xét yêu cầu của bà L không thuộc phạm vi giải quyết của cấp phúc thẩm, nên Hội đồng xét xử không không đặt ra xem xét giải quyết. Bà L có quyền khởi kiện một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm bà Nguyễn Thị M được miễn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Hủy Bản án sơ thẩm số 16/2020/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu và đình chỉ giải quyết vụ án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm bà Nguyễn Thị M được miễn theo quy định của pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện Vĩnh Lợi;
- CCTHADS huyện Vĩnh Lợi;
- Dương sự;
- Lưu Tổ HCTP, hồ sơ vụ án.

Lê Thanh Hùng